

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST

Ngày 27-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Đông

Ông Võ Tấn Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Út L; địa chỉ nơi cư trú: Ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Kim T; địa chỉ nơi cư trú: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-11-2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 31-12-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Út L trình bày vào năm 2019, bà làm chủ hội có đứng ra kêu hội thì có nhiều người tham gia, trong đó bà Lê Kim T có tham gia. Cụ thể, đây hội tháng 5.000.000 đồng mở ngày 16-6-2019 âm lịch có 22 chân, gom tiền vào ngày 22 hàng tháng, bà T tham gia 01 chân và đóng hội sống đến lần khai thứ 6, lần khai thứ 7 bà T hốt số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi hốt hội xong bà T đóng hội chết đến lần thứ 16 thì không đóng hội chết nữa. Khi bà nộp đơn khởi kiện thì bà T nợ 01 lần hội chết số tiền 5.000.000 đồng, khi bà nộp đơn khởi kiện bổ sung thì bà T nợ 02 lần hội chết số tiền 10.000.000 đồng, tính đến nay đây hội này đã mãn nhưng bà T vẫn không đóng hội chết cho bà, nên bà T nợ bà 06 lần hội chết số tiền 30.000.000 đồng. Nay

bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà 30.000.000 đồng nợ hụi chết trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-01-2021, bị đơn bà Lê Kim T trình bày bà có tham gia tổng cộng 03 dây hụi do bà L làm chủ hụi, cụ thể: dây hụi thứ nhất là dây 3.000.000 đồng, mở ngày 12-3-2019 âm lịch, có 24 chân, bà tham gia 02 chân đóng được 20 lần, còn nợ bà L 04 lần x 6.000.000 đồng với số tiền 24.000.000 đồng; dây hụi thứ hai là dây 5.000.000 đồng, mở ngày 16-6-2019 âm lịch, có 22 chân, bà tham gia 01 chân đóng được 16 lần, hiện còn nợ bà L 06 lần x 5.000.000 đồng với số tiền 30.000.000 đồng; dây hụi thứ ba là dây 3.000.000 đồng, mở ngày 20-6-2019 âm lịch, có 24 chân, bà tham gia 01 chân đóng được 16 lần hụi sống, chưa hốt hụi, tính ra dây hụi này thì bà L nợ bà số tiền 48.000.000 đồng, do bà L không cho bà hốt dây hụi này nên bà mới ngưng đóng dây 5.000.000 đồng, nếu bà L cho bà hốt dây hụi này thì bà sẽ tiếp tục đóng dây 5.000.000 đồng trên đây đủ đúng ngày tháng cho bà L; với 03 dây hụi bà tham gia của bà L như trên, bà tính tiền hụi chết bà còn nợ của bà L là 24.000.000 đồng (dây hụi thứ nhất) + 30.000.000 đồng (dây hụi thứ hai) – 48.000.000 đồng (dây hụi thứ ba) – 1.500.000 đồng (hoa hồng dây hụi thứ hai cho bà L) = 7.500.000 đồng, nên bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 7.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà T trả tổng số tiền nợ hụi chết đến hôm nay là 30.000.000 đồng và không đồng ý cản trở các dây hụi khác, bà T vắng mặt không có lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành, bị đơn vắng mặt không có lý do và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tổng số tiền nợ hụi chết là 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà L là tranh chấp dân sự về “*hợp đồng hụi*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và bà T hiện cư trú Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, bà T đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Bà L và bà T đều thừa nhận việc bà L là chủ hụi có tổ chức dây hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 16-6-2019 âm lịch, có 22 chân, bà T là hụi viên có tham gia 01 chân, đã hốt hụi và đã đóng được 16 lần hụi, nhưng sau đó lần đóng hụi thứ 17 thì không đóng hụi chết cho bà L, hiện dây hụi này đã kết thúc; tại biên bản lấy lời khai ngày 11-01-2021 bà T cũng thừa nhận “*Dây 5.000.000 đồng, mở ngày 16-6-2019 âm lịch, có 22 chân, tôi tham gia 01 chân*

đóng được 16 lần, hiện còn nợ bà L 06 lần x 5.000.000 đồng với số tiền 30.000.000 đồng” (bút lục số 44-45) là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nhận thấy, trong dây hui này, bà T là hui viên tham gia hui do bà L làm chủ, bà T đã thực hiện quyền lĩnh hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp phần hui theo thoả thuận là vi phạm Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hui, họ biêu, phường (sau đây gọi là Nghị định 19/2019/NĐ-CP). Nay dây hui này đã kết thúc và bà L yêu cầu bà T phải trả các phần hui chết không góp đến nay (06 lần) với số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở, đúng theo quy định tại Điều 17 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Việc bà T cho rằng bà có tham gia tổng cộng 03 dây hui do bà L làm chủ và yêu cầu cản trừ các dây hui thì bà trả cho bà L 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, trong vụ án này bà L không đồng ý và bà T cũng không làm đơn yêu cầu phản tố, Tòa án triệu tập bà T để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà đều vắng mặt không có lý do chính đáng (bút lục số 39-43, 54-68). Tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“[...] Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*. Do đó, ý kiến cản trừ tiền hui của bà T như trên là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Trường hợp bà T và bà L có tranh chấp dây hui 3.000.000 đồng mở ngày 12-3-2019 âm lịch (có 24 chân) và dây hui 3.000.000 đồng mở ngày 20-6-2019 âm lịch (có 24 chân) như bà T trình bày, nếu có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích như đã nêu trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Út L, buộc bà Lê Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Út L số tiền nợ hui chết là 30.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Kim T phải chịu 1.500.000 đồng.

- Bà Phan Thị Út L không phải chịu, hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008203 ngày 03-12-2020 (thu 300.000 đồng) và số 0008245 ngày 11-01-2021 (thu 300.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân